TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-01-2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh.

2. Ông Phạm Đức Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2020 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1993

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 04 (tổ 22 cũ), phường X, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Đức M, sinh năm: 1992

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 04 (tổ 22 cũ), phường X, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2020, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Phạm Đức M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2013 tại Uỷ ban nhân dân phường X, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh M tại địa chỉ: Tổ 04 (tổ 22 cũ), phường X, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần chị bị anh M hành hung. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến tháng 09/2020 chị về nhà mẹ đẻ tại địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống cho đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đức M.

Chị và anh M có 02 con chung là Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/7/2014 và Phạm Đức K, sinh ngày 15/01/2016, hiện hai con đang ở cùng anh M. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Đức K, anh M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Nguyễn Minh T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị là nhân viên của Công ty TNHH S Thái Bình, thu nhập bình quân từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng, chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Chị và anh M tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Bị đơn là anh Phạm Đức M từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh M đang cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Phạm Đức M và chị Nguyễn Thị H sau khi kết hôn sinh sống cùng gia đình anh M tại địa chỉ: Tổ 04 (tổ 22 cũ), phường X, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Quá trình sinh sống giữa anh M và chị H có xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau nhưng chưa đến mức chính quyền địa phương phải can thiệp. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh M không có việc làm. Khoảng tháng 8 hoặc tháng 9 năm 2020, chị H về nhà bố mẹ đẻ tại xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống đến nay. Việc đoàn tụ hay ly hôn là do anh M và chị H quyết định nhưng hai người khó có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh M và chị Hu có 02 con chung như chị H đã trình bày là đúng. Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống 02 con ở cùng anh M và gia đình anh M. Việc giao con cho ai nuôi đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện của từng người, đảm bảo quyền lợi cho cháu. Hiện nay anh M không có việc làm, không có thu nhập, cuộc sống phụ thuộc hoàn toàn vào vào bố mẹ anh M.

Anh M và chị H có tài sản chung hay không thì địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Đức M.

+ Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Đức K, sinh ngày 15/01/2016, anh Phạm Đức M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/7/2014; không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Phạm Đức M không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hu có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đức M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần chị H bị anh M hành hung dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M không có việc làm, không có thu nhập. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh M không có mặt tại phiên hòa giải thể hiện việc anh không có thiện chí để đoàn tụ với chị H. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh M là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Đức M là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/7/2014 và Phạm Đức K, sinh ngày 15/01/2016, hiện hai con đang ở cùng anh M. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Đức K, anh M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Nguyễn Minh T, không ai

phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Chị H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi cho con, con Phạm Đức K còn nhỏ nên rất cần sự nuôi dưỡng và chăm sóc của chị H. Vì vậy, cần giao cho chị Huyền được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Đức K; anh M tuy không có việc làm, không có thu nhập nhưng từ khi vợ chồng ly thân đến nay, được sự hỗ trợ của bố mẹ, anh đã làm tròn nghĩa vụ của người cha với các con nên cần giao cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Nguyễn Minh Th là phù hợp các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình và như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tại phiên tòa. Do các đương sự không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Do anh M chưa có lời khai về tài sản, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hộiquy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Đức M.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Đức K, sinh ngày 15/01/2016; anh Phạm Đức M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 04/7/2014; không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và anh M có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0004933 ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND phường X, thành phố T, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.